TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày 07-4-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương.

2. Bà Đỗ Thị Huê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 07-4-2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 23/10/2020 về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-KDTM ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 2 L, phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

Người được uỷ quyền thường xuyên: Ông Đặng Duy T – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái.

Người được uỷ quyền lại: Ông Đỗ Hải C – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái (Theo văn bản uỷ quyền số 171^{A}/NHNo.TY-KHKD ngày 09 tháng 10 năm 2020). Ông C Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Huy Q, sinh năm 1953. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2020, các bản khai tiếp theo và tại phiên toà, ông Đỗ Hải Châu là người được uỷ quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/5/2019, Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái ký hợp đồng tín dụng số 033/2019/HĐTD-DN với ông Vũ Huy Q, sinh năm 1953, trú tại Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái. Mục đích vay của ông Vũ Huy Q để sử dụng vào việc

thu mua và cung ứng thỏ thương phẩm, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,5%/năm trên nợ gốc sau đó được điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi quá hạn nợ gốc bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Phương thức cho vay theo hạn mức, dư nợ tối đa cùng số tiền đã giải ngân là 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)* tại các giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ số 8703-LDS-201903064 ngày 15/11/2019 với số tiền vay 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*, mục đích vay mua thỏ thương phẩm, hạn trả cuối cùng 15/5/2020.

- Giấy nhận nợ số 8703-LDS-201903076 ngày 18/11/2019 với số tiền vay 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*, mục đích vay mua thỏ thương phẩm, hạn trả cuối cùng 18/5/2020.

- Giấy nhận nợ số 8703-LDS-201903118 ngày 21/11/2019 với số tiền vay 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*, mục đích vay mua thỏ thương phẩm, hạn trả cuối cùng 21/5/2020.

- Giấy nhận nợ số 8703-LDS-201903147 ngày 25-11-2019 với số tiền vay 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*, mục đích vay mua thỏ thương phẩm, hạn trả cuối cùng 25/5/2020.

Lãi suất quá hạn tại các giấy nhận nợ trên thỏa thuận là 14,25%/năm (=150% lãi suất cho vay trong hạn), lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ tín dụng của ông Vũ Huy Q là: Diện tích 521,0m^2 đất ở tại nông thôn, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ "00"; địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 834262 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01329 do UBND huyện T, tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/8/2015 cho ông Vũ Huy Q và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Các tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái theo hợp đồng thế chấp số 069/2018/HĐTC-DN ngày 15/11/2018 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện T theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình trả nợ, ông Vũ Huy Q mới trả tiền lãi trong hạn đến hết ngày 31/12/2019, quá hạn trả nợ gốc kể từ ngày 15/5/2020 và tính đến ngày 07/4/2021, ông Vũ Huy Q vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc trả nợ nhiều lần. Do ông Vũ Huy Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bên vay là ông Vũ Huy Q thanh toán cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 033/2019/HĐTD-DN ngày 06/5/2019 đến ngày 07/4/2021 bao gồm:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)*.

- Nợ lãi: 324.886.987 đồng, trong đó:

+ Lãi trong hạn: 241.013.699 đồng *(Hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng)*.

+ Lãi quá hạn: 83.873.288 đồng *(Tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng)*.

Tổng cộng: 2.324.886.987 đồng *(Hai tỷ ba trăm hai mươi tư triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).*

2. Buộc ông Vũ Huy Q thanh toán tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Nếu ông Vũ Huy Q không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trong thời hạn quy định cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên để thu hồi nợ. Tài sản đảm bảo là diện tích 521,0m^2 đất ở tại nông thôn, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ "00"; địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 834262 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01329 do UBND huyện T, tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/8/2015 cho ông Vũ Huy Q và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Tại phiên toà, ông Đỗ Hải C là người đại diện lại theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt, niêm yết các văn bản hợp lệ cho ông Vũ Huy Q nhưng bị đơn ông Vũ Huy Q không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông Vũ Huy Q và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng đủ người tham gia tố tụng. Nguyễn đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại địa phương không thông báo cho bên nguyên đơn biết, thể hiện cố tình giấu địa chỉ đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Nguyên đơn Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái có giao kết hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Vũ Huy Q cho ông Vũ Huy Q vay số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng).* Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông Vũ Huy Q đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Vũ Huy Q trả nợ số tiền gốc, lãi trong hạn và quá hạn với tổng số tiền là 2.324.886.987 đồng là có căn cứ.

Đề nghị áp dụng vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275, Điều 292, 293, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tìn dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dung án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Vũ Huy Q phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 07/4/2021 của hợp đồng tín dụng số 033/2019/HĐTD-DN ngày 06/5/2019 là: Nợ gốc 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng),* lãi trong hạn 241.013.699 đồng, lãi quá hạn 83.873.288 đồng. Tổng cộng: 2.324.886.987 đồng.

- Trường hợp bị đơn không trả được số tiền nợ trên cho nguyên đơn thì

nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 069/2018/HĐTC-DN ngày 15 tháng 11 năm 2018 để thu hồi nợ.

- Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Vũ Huy Q vắng mặt tại địa phương không biết đi đâu, làm gì (có xác nhận của chính quyền địa phương); thời điểm bị đơn vắng mặt không thông báo gì cho nguyên đơn biết, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Vũ Huy Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn ông Vũ Huy Q cư trú tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] *Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 033/2019/HĐTD-DN ngày 06/5/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N và ông Vũ Huy Q, căn cứ vào quy định của pháp luật Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng tín dụng trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng.

[4] *Về thực hiện hợp đồng và yêu cầu trả nợ gốc, lãi*

Ngày 06/5/2019, Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái ký hợp đồng tín dụng số 033/2019/HĐTD-DN với ông Vũ Huy Q và đã giải ngân cho ông Vũ Huy Q vay tổng số tiền 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)* vào các ngày 15, 18, 21 và 25/5/2019. Mục đích vay để sử dụng vào việc thu mua và cung ứng thỏ thương phẩm, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,5%/năm trên nợ gốc sau đó được điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn nợ gốc của từng khoản giải ngân được quy định tại các giấy nhận nợ là 14,25%/năm (=150% lãi suất cho vay trong hạn), lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ tín dụng của ông Vũ Huy Q là: Diện tích 521,0m^2 đất ở tại nông thôn, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ "00"; địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 834262 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01329 do

UBND huyện T, tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/8/2015 cho ông Vũ Huy Q và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Bị đơn ông Vũ Huy Q đã nhận đủ tiền giải ngân từ Ngân hàng và cũng thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 31/12/2019, từ ngày 01/01/2020 đến nay không trả gốc và lãi. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông Vũ Huy Q về việc thu hồi nợ trước hạn nhưng ông Vũ Huy Q vẫn không thực hiện. Như vậy, ông Vũ Huy Q đã vi phạm thoả thuận tại điểm đ khoản 2 Điều 9 trong Hợp đồng tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Huy Q đã được Toà án niêm yết triệu tập nhiều lần tham gia thẩm định tại chỗ, hoà giải và công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà nhưng ông Vũ Huy Q vắng mặt không có lý do, như vậy là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Vì vậy, xác định việc Ngân hàng N chuyển khoản nợ đối với ông Vũ Huy Q sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái yêu cầu được thu hồi nợ là yêu cầu khởi kiện chính đáng nên được chấp nhận.

Về số nợ gốc: 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng).*

Về yêu cầu tính lãi đối với hợp đồng tín dụng số 033/2019/HĐTD-DN ngày 06/5/2019 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian tính lãi, mức lãi suất (trong hạn, quá hạn) mà Ngân hàng đã áp dụng phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, trong giấy đề nghị vay vốn và dự án sản xuất kinh doanh, phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở được chấp nhận. Cụ thể như sau:

Lãi trong hạn là 9,5%/năm x 2.000.000.000 đồng nợ gốc ÷ 365 ngày/năm x 463 ngày (tính từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 07/4/2021) = 241.013.699 đồng *(Hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).*

Lãi quá hạn của khoản giải ngân lần 1 (ngày 15/5/2019) là 4,75%/năm x 500.000.000 đồng ÷ 365 ngày/năm x 327 ngày (tình từ ngày 16/5/2020 đến hết ngày 07/4/2021) = 21.277.397 đồng (*Hai mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).*

Lãi quá hạn của khoản giải ngân lần 2 (ngày 18/5/2019) là 4,75%/năm 500.000.000 đồng ÷ 365 ngày/năm x 324 ngày (tình từ ngày 19/5/2020 đến hết ngày 07/4/2021) = 21.082.192 đồng. (*Hai mươi mốt triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng).*

Lãi quá hạn của khoản giải ngân lần 3 (ngày 21/5/2019) là 4,75%/năm 500.000.000 đồng ÷ 365 ngày/năm x 321 ngày (tình từ ngày 22/5/2020 đến hết ngày 07/4/2021) = 20.886.986 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).*

Lãi quá hạn của khoản giải ngân lần 4 (ngày 25/5/2019) là 4,75%/năm 500.000.000 đồng ÷ 365 ngày/năm x 317 ngày (tình từ 26/5/2020 đến hết ngày 07/4/2021) = 20.626.712 đồng (*Hai mươi triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).*

Tổng số tiền ông Q phải trả cho Ngân hàng N tính đến hết ngày 07/4/2021 là 2.324.886.987 đồng *(Hai tỷ ba trăm hai mươi tư triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).*

[5] *Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:*

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 069/2018/HĐTC-DN ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa ông Vũ Huy Q và Ngân hàng N chi nhánh huyện T Yên Bái Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không có ý kiến gì khác, điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện T theo đúng quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp có hiệu lực kể từ ngày ký kết và đăng ký giao dịch đảm bảo. Tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thoả thuận Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bên vay. Nay ông Vũ Huy Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ theo Điều 299 Bộ luật dân sự cần được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng:

[6.1] *Về án phí*: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng N không phải chịu án phí KDTMST.

[6.2] Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tìn dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dung án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Vũ Huy Q phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 07/4/2021 của hợp đồng tín dụng số 033/2019/HĐTD-DN ngày 06/5/2019 là: Nợ gốc 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)*, lãi trong hạn 241.013.699 đồng *(Hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng)*, lãi quá hạn 83.873.288 đồng *(Tám mươi ba triệu tám*

trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng). Tổng cộng: 2.324.886.987 đồng *(Hai tỷ ba trăm hai mươi tư triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).*

Kể từ ngày 08/4/2021 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 033/2019/HĐTD-DN ngày 06/5/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Trường hợp bị đơn không trả được số tiền nợ trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 069/2018/HĐTC-DN ngày 15 tháng 11 năm 2018 để thu hồi nợ cụ thể: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ "00", diện tích 521,0m^2 (sau khi thẩm định tại chỗ xác định được là 547,1m^2) ; địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 834262 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01329 do UBND huyện T, tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/8/2015 cho ông Vũ Huy Q và toàn bộ tài sản trên đất. Các tài sản trên đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Yên Bái.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho nguyên đơn. Nếu tài sản thế chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn thì nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho bị đơn.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Vũ Huy Q phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)*. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)* nên bị đơn ông Vũ Huy Q có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Vũ Huy Q không trả hết số tiền chi phí tố tụng trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương tứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.2. Về án phí: Ông Vũ Huy Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 78.497.000 đồng *(Bảy mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).*

Ngân hàng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 37.530.000 đồng *(Ba mươi bẩy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*, theo biên lai thu số

AA/2017/0007911 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Mai Hằng